

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2013/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 31 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết sông Hồng,
sông Luộc và sông Hóa, tỉnh Thái Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 92/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình;

Sau khi xem xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết sông Hồng, sông Luộc và sông Hóa, tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-KTNS ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết sông Hồng, sông Luộc và sông Hóa, tỉnh Thái Bình, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Về lưu lượng và mực nước thiết kế:

Mức đảm bảo phòng chống lũ sông Hồng, sông Luộc và sông Hóa chống được lũ có chu kỳ 300 năm, tương ứng với tần suất lũ 0,33% xảy ra tại Sơn Tây.

- Mực nước và lưu lượng lũ thiết kế tại một số vị trí trên tuyến sông Hồng, sông Luộc và sông Hóa, tỉnh Thái Bình:

TT	Tên sông	Tuyến đê	Vị trí	Địa danh	Mức nước thiết kế H_{TK} (m)	Lưu lượng thiết kế Q_{TK} (m^3/s)
1	Sông Hồng	Tả Hồng	K140+00	Trạm thủy văn Tiến Đức	7,28	15.219
2		Tả Hồng	K150 +00	Phú Nha	6,59	15.178
3		Tả Hồng	K152+00	Cống Hữu Bị	6,30	11.951
4		Tả Hồng	K168+00	Cống Ngô Xá	5,28	7.713
5		Tả Hồng	K174+00	Cống Cổ Lễ	4,44	7.106
6		Tả Hồng	K182+00	Cống Vũ Thuận	4,11	5.239
7		Tả Hồng	K197+050	Trạm thủy văn Cồn Nhất	3,70	4.780
8	Sông Luộc	Hữu Luộc	K0+00	Trạm thủy văn Triều Dương	7,10	2.799
9		Hữu Luộc	K11+00	Trạm thủy văn Nhâm Lang	6,51	2.748
10		Hữu Luộc	K25+00	Bến Hiệp	5,39	2.717
11		Hữu Luộc	K37+00	Trạm thủy văn Chanh Chủ	4,26	2.458
12	Sông Hóa	Hữu Hóa	K0+00		4,32	369
13		Hữu Hóa	K10+00		3,49	347
14		Hữu Hóa	K26+00 (tương ứng K10 đê biển 8 cũ)	Trạm thủy văn Văn Am	3,32	520
15		Hữu Hóa	K8+00 đê cửa sông (tương ứng K18 đê biển 8 cũ)	Khu vực hợp lưu với sông Thái Bình	3,38	669

2. Mức nước báo động:

a) Mức nước báo động trên sông Hồng:

- Tại các trạm thủy văn:

TT	Trạm thủy văn	Mức nước theo cấp báo động (m)		
		I	II	III
1	Tiến Đức	4,8	5,6	6,3
2	Ba Lạt	1,7	2,0	2,3

- Tại một số vị trí chính:

STT	Vị trí	Vị trí theo Km đê tả Hồng	Mức nước theo cấp báo động (m)		
			I	II	III
1	Kè An Nghiệp	K145	5,30	5,70	6,20
2	Kè Phú Nha	K150	5,00	5,40	5,80
3	Kè Hồng Lý	K151	4,80	5,20	5,70
4	C.TrB Hữu Bị	K152,5	4,50	5,00	5,50
5	Kè Hương Điền	K157	4,00	4,50	5,00
6	Cống Vị Khê	K163	3,50	4,00	4,50
7	Kè Ngô Xá	K168+500	3,30	3,60	4,10
8	Kè Vũ Tiến	K171	3,20	3,50	3,90
9	Nam Hồng	K174 (K179,5 Hữu Hồng)	3,00	3,30	3,70
10	Kè Duy Nhất	K174+500	3,00	3,30	3,60
11	Cống Cổ Lễ	K175 (K182,4 Hữu Hồng)	2,80	3,20	3,50
12	Kè Vũ Đoài	K178+500	2,60	2,90	3,20
13	Kè Thái Hạc	K185	2,30	2,60	3,00
14	Cống Hạ Miêu	K186	2,20	2,50	2,80
15	Kè Minh Tân	K190+500	1,90	2,20	2,50

b) Mức nước báo động trên sông Luộc, sông Hóa:

- Mức nước báo động lũ tại các điểm thông báo lũ trên sông Luộc:

TT	Vị trí theo Km đê hữu Luộc	Mức nước theo cấp báo động (m)			Ghi chú
		I	II	III	
1	K0	4,90	5,40	6,10	TTV Triều Dương
2	K2	4,80	5,20	5,90	Bồi Lưu Xá - Búi Xá
3	K5	4,60	5,10	5,70	Kè Đào Thành
4	K9	4,50	5,00	5,60	Kè Phan
5	K11	4,40	4,90	5,50	TTV, Kè Nhâm Lang
6	K14	4,30	4,80	5,40	Kè Việt Yên
7	K20	4,20	4,70	5,20	Kè Quỳnh Lâm
8	K20+500	4,10	4,50	5,00	Bồi Quỳnh Lâm
9	K21	4,10	4,40	4,90	Kè Đồng Trục
10	K25	3,80	4,20	4,60	Kè Bến Hiệp
11	K27	3,50	4,00	4,40	Kè Quỳnh Hoa
12	K29	3,30	3,80	4,20	Kè Đại Năm
13	K32	3,00	3,50	4,00	Bồi An Đông
14	K35	2,80	3,30	3,80	Kè Lộng Khê

- Mục nước báo động lũ tại các điểm thông báo lũ trên sông Hóa:

TT	Vị trí theo Km đê hữu Hóa	Mức nước theo cấp báo động (m)			Ghi chú
		I	II	III	
1	K0 hữu Hóa	2,50	3,00	3,50	Kè An Khê 1
2	K2 hữu Hóa	2,40	2,80	3,20	Kè An Khê 3
3	K10 hữu Hóa	2,30	2,70	3,10	
4	K14 hữu Hóa	2,20	2,60	3,00	Kè Tô Trang
5	K18 hữu Hóa	2,20	2,60	2,90	Kè Hồng
6	K20 hữu Hóa	2,10	2,50	2,80	Kè Vân Cù
7	K26 hữu Hóa	2,10	2,40	2,70	Cống Vân Am
8	K3 Đê biển 8	2,10	2,30	2,50	Bối Hồng Quỳnh

3. Hành lang thoát lũ:

Hành lang thoát lũ sông Hồng, sông Luộc và sông Hóa xác định trên bản đồ Quy hoạch (có tọa độ cụ thể trong phụ lục chi tiết kèm theo) dọc tuyến sông. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai cấm mốc chỉ giới thoát lũ phù hợp để khai thác, sử dụng bãi sông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được hiệu quả, bền vững.

4. Khai thác sử dụng quỹ đất:

Cho phép khai thác, sử dụng các khu vực bồi, bãi có diện tích tương đối lớn, đặc biệt các bồi có dân đang sinh sống, nằm ngoài hành lang thoát lũ, không ảnh hưởng đến thoát lũ, để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gồm:

- Diện tích đất bãi có thể khai thác lâu dài, xây dựng công trình phục vụ phát triển kinh tế xã hội là 3.808,6 ha; trong đó trên tuyến sông Hồng là 2.973,6 ha; sông Luộc và sông Hóa là 835 ha.

- Diện tích đất bãi lưu không (khu đệm) trồng cây xanh hoặc kết hợp làm đường giao thông ven sông là 196 ha trong đó: tuyến sông Hồng 108ha, tuyến sông Luộc và sông Hóa là 88 ha.

5. Giải pháp và thứ tự ưu tiên thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp công trình: Tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều gồm các tuyến đê tả sông Hồng, hữu sông Luộc và hữu sông Hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo mặt cắt thiết kế, đảm bảo chống được lũ thiết kế theo quy hoạch; kết hợp làm đường giao thông; cải tạo lòng dẫn; tu bổ, nâng cấp, xây dựng mới các cống dưới đê, kè bảo vệ bờ hộ đê tại các điểm xung yếu; trồng cây chắn sóng bảo vệ đê. Nâng cấp dần các tuyến đê bồi nằm ngoài hành lang thoát lũ để bảo vệ sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Giải pháp phi công trình: Tăng cường công tác quản lý, hộ đê, tuyên truyền vận động nhân dân, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng chống lụt bão.

b) Thứ tự ưu tiên thực hiện quy hoạch:

- Tiếp tục củng cố, tu bổ đê điều, công trình phòng chống sạt lở theo kế hoạch phòng xuyên và chương trình mục tiêu được phê duyệt, đảm bảo an toàn cho các tuyến đê;
- Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê;
- Tăng cường công tác quản lý, hộ đê, tuyên truyền vận động, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng chống lụt bão;
- Tổ chức giải phóng các công trình, vật kiến trúc gây cản trở thoát lũ trong phạm vi hành lang thoát lũ và khu vực đê;
- Xác định chỉ giới thoát lũ và chỉ giới xây dựng;
- Nâng cấp đê bồi nằm ngoài hành lang thoát lũ để bảo vệ dân cư và sản xuất.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2013 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên